TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2017/DS-PT
Ngày: 28-9-2017
V/v tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triển.
Các Thẩm phán:
1. Ông Nguyễn Văn Son;
2. Ông Lâm Văn Be.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2017/TLPT-DS ngày 01 tháng 9 năm 2017, về "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu"; do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 85/2017/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017, của Tòa án nhân dân thành phố Y bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 179/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; cư trú tại: Khu phố A, Phường B, thành phố Y, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu L, Luật sư Chi nhánh Văn phòng luật sư TL Tây Ninh thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Bị đơn: Phòng Công chứng X tỉnh Tây Ninh; địa chỉ: Đường H, Phường C, thành phố Y, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1966; chức vụ: Trưởng Phòng Công chứng X tỉnh Tây Ninh; cư trú tại: Đường H, khu phố D, Phường C, thành phố Y, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án không triệu tập

3.1. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1951; cư trú tại: Khu phố A, Phường B, thành phố Y, tỉnh Tây Ninh;

3.2. Ông Nguyễn Công M, sinh năm 1956; cư trú tại: Khu phố 2, Phường C, thành phố Y, tỉnh Tây Ninh;

3.3. Bà Nguyễn Văn H2, sinh năm 1959; cư trú tại: Khu phố D, Phường B, thành phố Y, tỉnh Tây Ninh;

3.4. Bà Nguyễn Văn C, sinh năm 1963; cư trú tại: Khu phố 2, Phường 1, thành phố Y, tỉnh Tây Ninh;

3.5. Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1966; cư trú tại: Khu phố A, Phường B, thành phố Y, tỉnh Tây Ninh;

3.6. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1968; cư trú tại: Khu phố A, Phường B, thành phố Y, tỉnh Tây Ninh;

3.7. Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1974; cư trú tại: Khu phố D, Phường B, thành phố Y, tỉnh Tây Ninh;

3.8. Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977; cư trú tại: Khu phố A, Phường B, thành phố Y, tỉnh Tây Ninh.

4. Người làm chứng: Tòa án không triệu tập

4.1. Bà Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1950; cư trú tại: Đường T, khu phố A, Phường B, thành phố Y, tỉnh Tây Ninh;

4.2. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1964; cư trú tại: Đường T, khu phố A, Phường B, thành phố Y, tỉnh Tây Ninh.

5. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 09-01-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày:

Cha mẹ ruột của bà là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1928, chết ngày 26-8-2007 và bà Trần Thị N, sinh năm 1930, chết năm 2016; có 9 người con chung gồm: Ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Công M, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Cẩm N, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Nguyễn Thanh T.

Vào ngày 12-6-2007, cha mẹ ruột của bà có lập di chúc tặng cho ông Nguyễn Văn H1 và ông Nguyễn Thanh T quyền sử dụng đối với phần đất diện tích 150,6 m^2, tờ bản đồ số 25, thửa số 61, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD.851967 do Ủy ban nhân dân thị xã Y (nay là thành phố Y) cấp ngày 16-02-2006 do ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N cùng đứng tên.

Nay bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Di chúc lập ngày 12-6-2007, số công chứng 103, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu. Bởi vì khi lập Di chúc này, ông Nguyễn Văn T đã già và bị bệnh bại liệt nhiều năm; còn bà Trần Thị N được chẩn đoán bệnh nhồi máu não, teo não đa ổ và đã từng được điều trị tại khoa thần kinh Bệnh viện Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh

vào năm 2005 nên tinh thần không còn minh mẫn, sáng suốt để lập di chúc. Ngoài ra, Di chúc này được lập mà không có sự chứng kiến của Ủy ban nhân dân xã, phường; không có giấy khám sức khỏe của Hội đồng y khoa về trạng thái tinh thần của người lập di chúc; không có sự chứng kiến của các anh chị em trong gia đình; trình tự thủ tục công chứng không đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn – bà Nguyễn Thị Đ1 trình bày:

Tại thời điểm công chứng di chúc, Công chứng viên đã căn cứ vào Nghị định số: 75/2000/NĐ-CP ngày 08-12-2000 của Chính phủ, về công chứng, chứng thực; Thông tư số: 03/2001/TP-CC ngày 14 tháng 3 năm 2001 của Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành Nghị định số: 75/2000/NĐ-CP ngày 08-12-2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực; Bộ luật Dân sự năm 2005 và các văn bản hướng dẫn về công chứng để thực hiện.

Phòng Công chứng xác định trình tự, thủ tục công chứng được thực hiện đúng với quy định của pháp luật. Theo hồ sơ lưu trữ tại phòng thì Di chúc này được lập vào ngày 12-6-2007. Tại thời điểm công chứng, Công chứng viên xác định nhận thức và tình trạng sức khỏe của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N vẫn còn minh mẫn, sáng suốt; thể hiện qua việc người yêu cầu lập di chúc có thể trả lời những câu hỏi Công chứng viên về bản thân, tài sản và người được hưởng di chúc; làm cơ sở để đánh giá đối với nhận thức, năng lực hành vi của những người yêu cầu lập di chúc. Trong trường hợp không thể nói được thì họ có thể trả lời bằng phương pháp gật đầu hay lắc đầu, nhưng yêu cầu phải có người làm chứng.

Mặc dù, ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N không đi đứng được nhưng qua kiểm tra nhận thức thì ông bà được xác định vẫn còn minh mẫn, sáng suốt, thể hiện được ý nguyện bản thân thông qua những câu hỏi do Công chứng viên đặt ra nên không cần phải giám định y khoa về sức khỏe. Việc này là hoàn toàn phù hợp với Điều 50 Nghị định số: 75/2000/NĐ-CP ngày 08-12-2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực. Đồng thời, việc lập di chúc còn có sự chứng kiến của bà Phạm Thị T và bà Nguyễn Thị Đ2.

Về địa điểm công chứng, chứng thực, Phòng Công chứng đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 9 Nghị định số: 75/2000/NĐ-CP ngày 08-12-2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực và Mục 1 Thông tư số: 03/2001/TP-CC ngày 14 tháng 3 năm 2001 của Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành Nghị định số: 75/2000/NĐ-CP ngày 08-12-2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực.

Do đó, Phòng Công chứng X tỉnh Tây Ninh xác định Di chúc được lập ngày 12-6-2007 là hợp pháp, trình tự thủ tục công chứng đúng quy định nên không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn; trừ trường hợp tất cả anh em trong gia đình của bà Nguyễn Thị L có thỏa thuận khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Cẩm N, Nguyễn Thị Kim C và Nguyễn Thị Cẩm H trình bày:

Ông bà thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị L về tài sản và thời điểm lập di chúc, đồng thời đều xác định rằng: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N đã già yếu và bị bệnh nên không còn minh mẫn, sáng suốt tại thời điểm lập di chúc. Do đó, các ông bà thống nhất với nhau yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc trên vô hiệu.

- Ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Ông bà thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị L về tài sản, thời điểm lập di chúc và người được thụ hưởng. Ông xác định rằng: Mặc dù, cha của ông bị bại liệt, mẹ của ông bị bệnh tai biến và đều không đi đứng bình thường được nhưng ông bà vẫn còn minh mẫn, sáng suốt; không như lời trình bày của bà Nguyễn Thị L. Việc lập di chúc có sự chứng kiến của bà Phạm Thị T và bà Nguyễn Thị Đ2. Di chúc được ông Nguyễn Văn Mừng lưu giữ từ năm 2007 và được công bố vào năm 2016, sau khi mẹ của ông chết.

Hiện tại, theo Di chúc này, ông đã thừa hưởng và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 75,6 m^2; tọa lạc tại: Khu phố A, Phường B, thành phố Y, tỉnh Tây Ninh vào năm 2016.

Nay, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

- Ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn H1. Hiện tại, theo Di chúc này, ông đã thừa hưởng và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 75 m^2 còn lại; tọa lạc tại: Khu phố A, Phường B, thành phố Y, tỉnh Tây Ninh vào năm 2016. Nay, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

- Ông Nguyễn Công M trình bày: Ông là người trực tiếp chứng kiến cha mẹ của ông lập di chúc. Người được thừa hưởng là ông Nguyễn Văn H1 và ông Nguyễn Thanh T. Ông cũng là người trực tiếp đến Phòng Công chứng để tìm hiểu về thủ tục và mời Công chứng viên đến tại nhà để lập di chúc cho cha mẹ. Ông là người đã trực tiếp lưu giữ và công bố di chúc. Ông xác định tại thời điểm lập di chúc, cha mẹ của ông vẫn còn minh mẫn, sáng suốt; không như lời trình bày của bà Nguyễn Thị L. Việc lập di chúc còn có sự chứng kiến của bà Phạm Thị T và bà Nguyễn Thị Đ2. Do đó, ông thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Văn H1 và ông Nguyễn Thanh T, không đồng ý tuyên bố di chúc vô hiệu.

Những người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Đ2 trình bày:

Bà là hàng xóm gần nhà, không có mối quan hệ họ hàng với ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N. Bà là người đã trực tiếp chứng kiến ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N lập di chúc tặng cho ông Nguyễn Văn H1 và ông Nguyễn Thanh T tài sản là quyền sử dụng đất.

Bà xác định việc lập di chúc được thực hiện tại nhà của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N; có sự chứng kiến của bà cùng với vợ chồng ông Nguyễn Công

M, bà Phạm Thị T và Công chứng viên. Tại thời điểm lập di chúc, mặc dù đều bị bệnh tật và không đi lại được nhưng ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N hoàn toàn tự nguyện, minh mẫn, sáng suốt, hiểu biết, nói chuyện bình thường; Di chúc này được lập xong và có đọc lại cho tất cả mọi người có mặt cùng nghe.

- *Bà Phạm Thị T trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Đ2. Tại thời điểm lập di chúc, ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N hoàn toàn tự nguyện, minh mẫn, sáng suốt.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 85/2017/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Y đã quyết định:

Căn cứ Điều 646, 647, 648, 649, 652, 653, 654, 656, 657 và 661 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố di chúc lập ngày 12 tháng 6 năm 2007, số công chứng 103, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01-8-2017, bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bởi vì bà cho rằng chỉ có cơ quan chuyên môn liên quan đến y tế mới có đủ khả năng kết luận về tình trạng sức khỏe của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N tại thời điểm lập di chúc.

- *Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:*

Về trình tự thủ tục công chứng di chúc của vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N có nhiều sai sót và không đúng với những quy định của pháp luật tại Điều 41, 59 của Nghị định số: 75/2000/NĐ-CP ngày 08-12-2000 của Chính phủ. Đồng thời, Luật sư cho rằng chỉ có cơ quan y tế mới có đủ năng lực chuyên môn để xác nhận về tình hình sức khỏe của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N; Công chứng viên không thể tự mình xác định được. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L:

[1] Về việc xác định trạng thái tinh thần của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N:

Tại khoản 3 Điều 50 Nghị định số: 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ quy định về công chứng, chứng thực di chúc như sau: *"Người thực hiện công chứng, chứng thực phải xác định về trạng thái tinh thần của người lập di chúc. Nếu nghi ngờ người lập di chúc bị bệnh tâm thần hoặc mắc các bệnh khác mà không thể nhận thức và làm chủ được hành vi của mình hoặc xét thấy việc lập di chúc có dấu hiệu bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép, thì người thực hiện công chứng, chứng thực không công chứng, chứng thực di chúc đó".*

Như vậy, việc Công chứng viên Nguyễn Thị Đ1 tự mình xác định trạng thái tinh thần của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N vẫn còn minh mẫn, sáng suốt trước khi công chứng, chứng thực di chúc là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về lời khai của người chứng kiến việc lập di chúc:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cả hai người làm chứng là bà Nguyễn Thị Đ2 và Phạm Thị T thống nhất với nhau trình bày rằng: Tại thời điểm lập di chúc, ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N đều đang bị bệnh và không đi lại được, nhưng cả hai ông bà vẫn còn minh mẫn, sáng suốt, hiểu biết, thể hiện được nguyện vọng và ý chí của bản thân.

Điều này là hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của Công chứng viên Nguyễn Thị Đ1 và lời xác nhận của hai người chứng kiến; được thể hiện tại Di chúc lập ngày 12-6-2007, số công chứng 103, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N cụ thể như sau: *"... Nội dung của di chúc phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội; người làm chứng đã đọc lại bản di chúc này cho người lập di chúc nghe, người lập di chúc đã hiểu và đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong di chúc, người lập di chúc và người làm chứng đã ký tên/lăn tay vào di chúc trước sự có mặt của tôi ..."*.

[3] Những nội dung khác:

3.1. Nội dung và hình thức của di chúc thỏa mãn các quy định tại Điều 649, 650, 653, 654 và 656 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

3.2. Về địa điểm công chứng, việc công chứng di chúc được thực hiện tại nhà của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N là đúng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số: 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ quy định về công chứng, chứng thực.

3.3. Ngoài ra, di chúc còn được bảo đảm về tính bí mật theo đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 665 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Đánh giá đối với các tài liệu, chứng cứ giao nộp của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L có xuất trình cho Tòa án các loại toa thuốc, phiếu phát thuốc, sổ khám bệnh, hóa đơn tiền thuốc và phiếu tính thuế giá trị gia tăng của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N vào các năm 2005 và 2006. Ngoài ra, không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ nào khác. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không đủ căn cứ để xác định ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N không còn sáng suốt, minh mẫn tại thời điểm lập di chúc.

[5] Tóm lại, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định Phòng Công chứng X tỉnh Tây Ninh đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục công chứng; ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N vẫn còn minh mẫn, sáng suốt tại thời điểm lập di chúc là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L; chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận cho nên bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Án phí phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận cho nên bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 646, 647, 648, 649, 652, 653, 654, 656, 657 và 661 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2, 3 Điều 50 Nghị định số: 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ, quy định về công chứng, chứng thực; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

2. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 85/2017/DS-ST ngày 24-7-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Tây Ninh.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị L với Phòng Công chứng X tỉnh Tây Ninh về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”, đối với Di chúc của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị

N lập ngày 12 tháng 6 năm 2007, số công chứng 103, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số: 0003723 ngày 13 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà Nguyễn Thị L đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số: 0004440 ngày 04-8-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà Nguyễn Thị L đã nộp xong.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- TAND. TP.Y;
- Chi cục THADS. TP.Y;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Mai Văn Triến